

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TUY HÒA  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Bản án số: 84/2020/HNGĐ-ST**

**Ngày: 22/12/2020**

**V/v: Tranh chấp “Ly hôn”**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Hoa Dung.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Khoa Việt và ông Lương Công Hạnh

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Bích Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên

*-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Hưng-Kiểm sát viên.

Ngày 22/12/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 408/2020/TLST- HNGĐ ngày 16/9/2020 về tranh chấp “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2020/QĐXX-ST ngày 24/11/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10/12/2020 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Đặng Thị Hồng T, sinh năm 1975  
Trú tại: Khu phố NT6, phường C, thành phố T, tỉnh Phú Yên. *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

**2. Bị đơn:** Ông Võ Đức Đ (Võ Đức H), sinh năm 1972  
Trú tại: Khu phố NT 3, phường C, thành phố T, tỉnh Phú Yên. *Vắng mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đặng Thị Hồng T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông Đ tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên vào năm 1995. Cuộc sống chung không có hạnh phúc nên bà đã bỏ nhà đi đến nơi khác lập nghiệp. Nay bà không còn tình cảm, nên đề nghị Toà án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

- Về con chung: có 03 con chung là Võ Văn Vg, sinh năm: 1996; Võ Văn T1, sinh năm: 1998; Võ Văn T2, sinh năm 2002. Các con đã trưởng thành nên bà không yêu cầu tòa án giải quyết

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết

Bị đơn vắng mặt nên không có lời trình bày

Theo kết quả xác minh tại UBND xã B: Bà Đặng Thị Hồng T và ông Võ Đức Đ có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, giấy chứng nhận kết hôn 164, quyển số 01 ngày 07/11/1995. Nhưng theo giấy chứng nhận kết hôn ghi tên Võ Đức Đ thành ông Võ Đức H. Tuy nhiên, ông Võ Đức Đ và Võ Đức H là một người.

Tòa án nhân dân thành phố T đã tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đặng Thị Hồng T; Về con chung: không giải quyết; về tài sản chung: không xem xét; về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị Hồng T và ông Võ Đức Đ tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 1995, được UBND xã B, thành phố T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 164 ngày 07/11/1995 là hôn nhân hợp pháp. Do tính tình hai bên không hợp, xảy ra cãi vã nên bà T đã bỏ đi Lâm Đồng làm ăn và các bên đã không còn chung sống cùng nhau từ năm 2013 cho đến nay, mạnh ai nấy sống, không còn ai quan tâm đến ai. Xét thấy, mâu thuẫn giữa các đương sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn chung sống trở lại nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Võ Văn V, sinh năm: 1996; Võ Văn T1, sinh năm: 1998; Võ Văn T2, sinh năm 2002. Các con đã trưởng thành không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Đặng Thị Hồng T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

#### **Tuyên xử:**

-Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Đặng Thị Hồng T được ly hôn ông Võ Đức Đ (Võ Đức H).

-Về con chung: Võ Văn Vàng, sinh năm: 1996; Võ Văn T1, sinh năm: 1998; Võ Văn T2, sinh năm 2002. Các con đã trưởng thành không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

-Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí : Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Nguyên đơn bà Đặng Thị Hồng T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0001709 ngày 16/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Nguyên đơn, Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

#### **Nơi nhận:**

- Người TGTT;
- VKSND TP.T;
- Chi cục THADS. TP.T;
- TAND tỉnh P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Bùi Thị Hoa Dung**

